

Vocabulary Từ vựng	Pronunciation Phiên âm	Part of speech Loại từ	Definition Định nghĩa	Example sentence (English) Câu ví dụ (Tiếng Anh)	Example sentence (Vietnamese) Câu ví dụ (Tiếng Việt)
	/ ˈfiːtʃə /	(n)	điểm đặc trưng	The tall mountain is covered in snow.	Ngon núi cao phủ đầy tuyết.
	/ ˈkeɪv /	(n)	hang, động	The explorers found a dark cave in the forest.	Những người thám hiểm đã tìm thấy một hang động tối trong rừng.
	/ ˈdezət /	(n)	sa mạc	The desert is very hot and dry.	Sa mạc rất nóng và khô.
	/ ˈfɒrɪst /	(n)	rừng	The animals live in the green forest.	Các động vật sống trong rừng xanh.
	/ ˈhɪl /	(n)	ngọn đồi	We climbed the small hill to see the view.	Chúng tôi leo lên ngọn đồi nhỏ để nhìn cảnh.
	/ ˈleɪk /	(n)	hồ	The lake is calm and peaceful.	Hồ nước yên bình và thanh thản.
	/ ˈmaʊntən /	(n)	núi	The mountain is too high to climb.	Núi quá cao để leo.
	/ ˈəʊʃn /	(n)	đại dương	The ocean has big waves and blue water.	Đại dương có sóng lớn và nước xanh biếc.
	/ ˈrɪvə(r) /	(n)	sông	The river flows fast down the valley.	Cơn sông chảy nhanh xuống thung lũng.
	/ ˈrɒk /	(n)	đá	We found a smooth rock by the shore.	Chúng tôi tìm thấy một tảng đá trơn bên bờ.
	/ ʃɔː(r) /	(n)	bờ biển	The children played on the sandy shore.	Các em nhỏ chơi đùa trên bờ cát.
	/ ˈstriːm /	(n)	suối, dòng suối	The stream runs through the forest.	Suối chảy qua rừng.
	/ ˈvæli /	(n)	thung lũng	The valley is green with many trees.	Thung lũng xanh tươi với nhiều cây.
	/ ˈvɒlˌkeɪnəʊ /	(n)	núi lửa	The volcano erupted with hot lava.	Núi lửa phun trào nóng chảy.